

PHÂN TÍCH MẠNG LƯỚI XÃ HỘI – TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN NGỌC TOẠI*

Phân tích mạng lưới xã hội (Social Network Analysis - SNA) là một phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI. Với khả năng phân tích mạnh mẽ dựa trên lối tiếp cận cấu trúc được hỗ trợ ngày càng nhiều từ các tiến bộ về mặt toán học và phần mềm, SNA trở thành một phương pháp tiếp cận đa ngành có tiềm năng ứng dụng cao trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội. Trên cơ sở tổng quan một số công trình nghiên cứu về mạng lưới xã hội ở Việt Nam trong thời gian gần đây, bài viết tập trung tìm hiểu một số đặc điểm về chủ đề và phương pháp nghiên cứu, đặc biệt trong việc áp dụng SNA so với xu hướng chung hiện nay trên thế giới. Từ đó gợi ý khả năng áp dụng SNA vào trong các nghiên cứu khoa học xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: mạng lưới xã hội, phân tích mạng lưới xã hội, tiếp cận cấu trúc, xuyên ngành

Nhận bài ngày: 21/9/2022; đưa vào biên tập: 22/9/2022; phản biện: 29/9/2022; duyệt đăng: 05/11/2022

1. DẪN NHẬP

Phân tích mạng lưới xã hội phát triển mạnh trong đầu thế kỷ XXI, đặc biệt trong khoa học định lượng (Kolaczyk & Csárdi, 2020: vii). Lịch sử lâu dài của các nghiên cứu mạng lưới xã hội đã tạo ra một tập hợp các khái niệm và thước đo hữu ích mà qua đó các mạng lưới xã hội có thể được mô tả về mặt cấu trúc. Đặc biệt, sự phát triển của phương pháp phân tích mạng lưới xã hội (Social Network Analysis - SNA) hiện đại được hỗ trợ từ các tiến bộ về mặt toán học (lý thuyết đồ thị và đại số tuyến tính), và phần mềm (bao gồm các phần mềm và ngôn ngữ lập trình mạnh mẽ như UCINET, Gephi, R, Python...) đã giúp khám phá mối quan hệ giữa cấu trúc mạng

lưới xã hội và hành động của các cá nhân. Và hướng tiếp cận này trở thành trọng tâm của phân tích xã hội học trong thời gian gần đây (Scott, 2017: 39).

Ở Việt Nam, nghiên cứu mạng lưới xã hội (social network) là một trong những chủ đề quan trọng và phổ biến trong khoa học xã hội nói chung. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nhiều công trình tổng quan một cách hệ thống và đầy đủ về lĩnh vực nghiên cứu này, đặc biệt là các nghiên cứu thực nghiệm sử dụng phương pháp phân tích mạng lưới xã hội. Bài viết này điểm qua một số nét chính về mặt khái niệm và lịch sử phân tích mạng lưới xã hội trên thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết cũng trình bày tổng quan các nghiên cứu mạng lưới xã hội gần đây ở Việt Nam và đưa ra một số thảo luận liên quan đến khả năng áp dụng phổ biến phương pháp phân tích

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

mạng lưới xã hội ở Việt Nam.

2. KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ LỊCH SỬ PHÂN TÍCH MẠNG LƯỚI XÃ HỘI

2.1. Khái niệm và các cấp độ phân tích mạng lưới xã hội

Về mặt khái niệm, theo *Từ điển Xã hội học Oxford* (Marshall, 2010: 355): “thuật ngữ mạng lưới (xã hội) [social network] nói đến các cá nhân (hay ít gặp hơn là các tập thể và các vai trò) những người có liên hệ với nhau bởi một hay nhiều mối quan hệ, từ đó hình thành nên một mạng lưới xã hội”. Trong khi đó, theo Borgatti và cộng sự (2018: 20), mạng lưới [xã hội] là một cách nghĩ về các hệ thống xã hội với trọng tâm là các mối quan hệ giữa các thực thể tạo nên hệ thống thường được gọi là các tác nhân hoặc các nút. Các nút có các đặc điểm được gọi là “thuộc tính” giúp phân biệt chúng với nhau (ví dụ giới tính, độ tuổi...). Mỗi quan hệ giữa các nút cũng có các đặc điểm và trong phân tích mạng lưới, chúng ta coi đây là các loại quan hệ hoặc liên kết. Trong đó, các mối quan hệ [mà các nhà phân tích mạng lưới xã hội nghiên cứu] thường là liên kết cá nhân con người với nhau. Nhưng cũng có thể là các liên kết hoàn toàn không phải của các cá nhân như liên kết giữa các nhóm hoặc tổ chức, giữa các quốc gia hoặc các liên minh quốc tế (Freeman, 2004: 2).

Cách tiếp cận mạng lưới xã hội dựa trên khái niệm trực quan rằng khuôn mẫu của các mối quan hệ xã hội, mà trong đó các tác nhân được gắn vào, có những tác động quan trọng đối với các tác nhân đó. Tức là dựa trên lối tiếp cận cấu trúc (structural approach) với giả

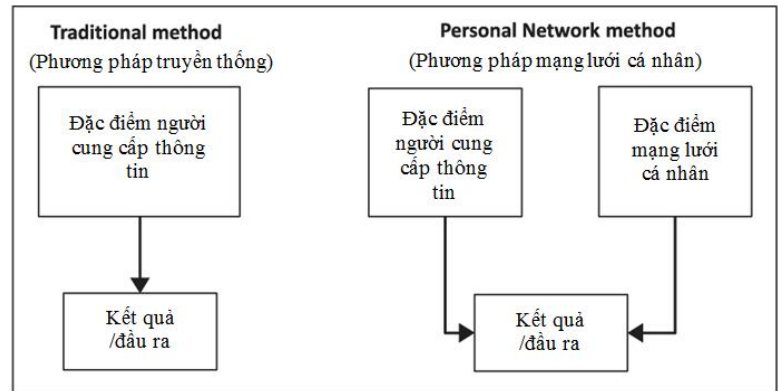
định lý thuyết rằng, các kết quả bị ảnh hưởng bởi một cấu trúc quan hệ giữa các tác nhân. Nói cách khác, khi áp dụng quan điểm mạng lưới, chúng ta cho rằng các tác nhân được kết nối và các kết quả của các tác nhân có liên quan với nhau (Freeman, 2004: 2; Robins, 2015: 13).

Tương ứng, đơn vị phân tích trong phân tích mạng lưới xã hội không phải là cá nhân, mà bao gồm một tập hợp các cá nhân và mối liên kết giữa chúng. Đó có thể là dyads (hai tác nhân và mối quan hệ của chúng), triads (ba tác nhân và mối quan hệ của chúng), hoặc các hệ thống lớn hơn (nhóm nhỏ các cá nhân hoặc toàn bộ mạng). Tuy nhiên, nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội chỉ tập trung vào các thuộc tính cá nhân và bỏ qua thông tin quan trọng về các kiểu quan hệ giữa các thành viên của hệ thống (Wasserman & Faust, 1994: 4-7).

Các hình bên dưới sẽ miêu tả rõ hơn về sự khác biệt cơ bản trong mô hình nghiên cứu sử dụng phương pháp truyền thống (traditional method) và phương pháp mạng lưới cá nhân (personal network method) (Hình 1), cũng như mối quan hệ giữa các cấp độ phân tích mạng lưới xã hội (Hình 2).

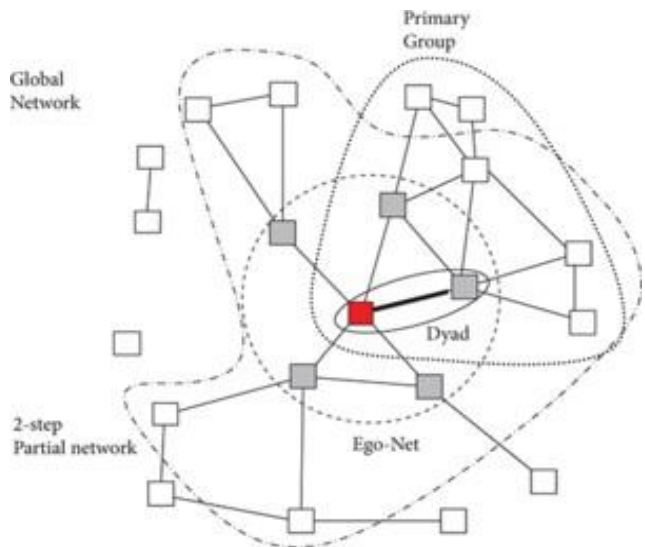
Ở Hình 1, bên trái là mô hình truyền thống với các đặc điểm của người trả lời (chẳng hạn như tuổi, giới tính, dân tộc, thu nhập...) được sử dụng để dự đoán một số kết quả quan tâm (chẳng hạn di động xã hội, xu hướng di cư...). Bên phải là mô hình mạng lưới cá nhân. Các biến giải thích trong mô hình này bao gồm các đặc điểm của người trả lời nhưng thêm vào đó là các đặc điểm của mạng lưới cá nhân (quy mô, thành phần,

Hình 1. So sánh giữa mô hình nghiên cứu sử dụng phương pháp truyền thống và phương pháp mạng lưới cá nhân



Nguồn: McCarty và cộng sự, 2019: 13.

Hình 2. Mối quan hệ giữa các cấp độ phân tích mạng lưới xã hội



Nguồn: Light & Moody, 2020a: 27.

hoặc cấu trúc). Các biến này phản ánh các đặc điểm về bối cảnh xã hội của người trả lời, giúp nâng cao khả năng giải thích của mô hình.

Hình 2 minh họa một số cấp độ phân tích mạng lưới xã hội. Nút màu đỏ ở trung tâm của biểu đồ là cái tôi/bản ngã (ego), là trọng tâm trong các phân tích mạng lưới cá nhân. Liên quan đến trọng tâm/bản ngã là các dạng mạng lưới ở

cấp độ nhỏ nhất bao gồm các cặp (dyads) hoặc bộ ba (triads). Ví dụ nghiên cứu những người bạn tốt nhất hoặc những người bạn tâm giao thân thiết nhất của bản ngã. Ở cấp độ tiếp theo, chúng ta cũng có thể nghiên cứu mạng lưới của tất cả các tác nhân kết nối trực tiếp với bản ngã cũng như

các kết nối mà chúng chia sẻ với nhau (ego-net: mạng lưới bản ngã) (trong hình là các kết nối trong vòng tròn chính giữa, bao gồm 5 tác nhân màu xám và ego). Nhiều nghiên cứu khoa học xã hội được tiến hành ở cấp độ mạng lưới bản ngã vì những dữ liệu này có thể được thu thập từ các cá nhân trong các cuộc khảo sát truyền thống. Trong xã hội học, nhóm sơ cấp, hoặc cộng đồng (primary group: phần nằm trong đường chấm trên cùng bên phải) cũng thường được quan tâm tìm hiểu với một tập hợp các

mối quan hệ được kết nối dày đặc (chẳng hạn nghiên cứu liên kết bạn bè thân thiết, hàng xóm hoặc các thành viên trong gia đình như là nguồn hỗ trợ xã hội mạnh mẽ đối với các cá nhân). Các học giả về mạng lưới xã hội cũng có thể muốn thực hiện một bước nghiên cứu xa hơn mạng lưới bản ngã (ego-net) sang mạng từng phần hai bước (2-step partial network) như được minh họa

bằng phần nằm trong đường đứt đoạn bao bọc hầu hết mạng lưới được minh họa trong Hình 2. Mạng hai bước bao gồm tất cả các kết nối trực tiếp và cả gián tiếp của cái tôi. Cuối cùng, các học giả cũng có thể quan tâm nghiên cứu toàn bộ mạng lưới (global network), ví dụ nghiên cứu về mạng lưới tình bạn của học sinh trung học phổ thông trong một hoặc nhiều trường trên phạm vi một tỉnh hoặc cả nước⁽¹⁾.

2.2. Sơ lược lịch sử của phương pháp phân tích mạng lưới xã hội

Ý tưởng về mạng lưới xã hội đã trở nên ngày càng phổ biến hơn cùng với sự phát triển nhanh chóng gần đây của phương tiện truyền thông xã hội, đặc biệt là các ‘mạng xã hội’ như Facebook, Twitter... Tuy nhiên, trong xã hội học nói riêng và khoa học xã hội nói chung, ý tưởng về mạng lưới xã hội có lịch sử lâu đời hơn và ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều. Mạng lưới xã hội bao gồm mạng kỹ thuật số và mạng trực tuyến nhưng cũng bao gồm các mạng lưới như mối quan hệ mặt đối mặt, các hiệp hội và kết nối chính trị, giao dịch kinh tế giữa các doanh nghiệp kinh doanh và quan hệ địa chính trị giữa các quốc gia và các cơ quan quốc tế (Scott, 2017: 2). Theo đó, những ý tưởng về phân tích mạng lưới xã hội đã có từ đầu thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi của các nhà khoa học xã hội trong nhiều lĩnh vực như Georg Simmel với khái niệm “tính liên hệ xã hội” (Geselligkeit/sociability/sociabilité) trong xã hội học và triết học; nhân học với các đại diện như Radcliffe Brown, Claude Lévi-Strauss và đặc biệt là J.A. Barnes - được xem là người sáng tạo ra khái niệm “mạng lưới xã hội” (social

network); tâm lý học như của J.L. Moreno với sự ra đời của phương pháp “trắc lượng xã hội” (sociométrie/sociometry) và cả ngôn ngữ học của Jakobson. Đồng thời cũng không thể bỏ qua ảnh hưởng rất lớn của toán học, đặc biệt là đại số tuyến tính và lý thuyết đồ thị⁽²⁾ (xem Lê Minh Tiến, 2006; Pannier, 2008; Nông Bằng Nguyên, 2009; Trần Hữu Quang, 2019).

Khi xem xét nguồn gốc của phương pháp phân tích mạng lưới xã hội, Freeman (2004) chia thành 4 giai đoạn chính: (1) cuối những năm 1920, (2) những năm 1930, (3) giai đoạn từ 1940 đến cuối những năm 1960, và (4) giai đoạn từ đầu những năm 1970 đến nay. Tương ứng với các giai đoạn này, có 2 sự kiện tạo ra những điểm chuyển đổi quan trọng mang tính bước ngoặt ảnh hưởng tới toàn bộ quá trình phát triển của phương pháp này. Bắt đầu vào đầu những năm 1930, cụ thể là năm 1934 với phần giới thiệu của Moreno về trắc lượng xã hội trong *Who Shall Survive?*. Công bố này là một sự kiện mang tính bước ngoặt cho sự phát triển của lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng phân tích mạng lưới xã hội chỉ bắt đầu cho đến đầu những năm 1970 khi Harrison White cùng với các sinh viên của mình tại Đại học Harvard đã tạo ra một số lượng đáng kinh ngạc những đóng góp quan trọng cho lý thuyết và nghiên cứu mạng lưới xã hội. Phân tích mạng lưới xã hội đương đại có thể không bao giờ xuất hiện nếu không có những đóng góp đó.

Quá trình phát triển nghiên cứu mạng lưới xã hội có thể được tổng kết một cách ngắn gọn thông qua nhận xét sau

đây của Robins (2015: 121): Ba mươi năm trước, nghiên cứu mạng lưới xã hội như là một thứ gì đó của một ngành thủ công (something of a cottage industry) ẩn trong một vài khoa về khoa học xã hội ở một số trường đại học trên thế giới. Nhưng hiện nay, trong một thế giới được kết nối, toàn cầu hóa, với sự gia tăng của truyền thông xã hội và với các sự kiện ở một phần trên toàn cầu có tác động nhanh chóng ở phần khác, dường như lối suy nghĩ “mạng lưới” có vẻ rất tự nhiên. Đã có những tiến bộ đáng kể, đặc biệt là về phương pháp luận và sự sẵn có của dữ liệu quy mô lớn thực sự. Các phương pháp tính toán đã cho phép nghiên cứu các hệ thống xã hội được nối mạng phức tạp theo những cách thuyết phục.

Cụ thể hơn, dựa trên thống kê tỷ lệ tất cả các bài báo được lập chỉ mục trong Google Scholar với “mạng lưới xã hội” trong tiêu đề theo thời gian (Hình 3), Borgatti và cộng sự (2014: 2) đã cho thấy tình trạng bùng nổ về số lượng các ấn phẩm đề cập đến “mạng lưới xã hội” trải dài trong tất cả các ngành khoa học xã hội và thậm chí còn tăng nhanh hơn trong vật lý và sinh học. Điều này được

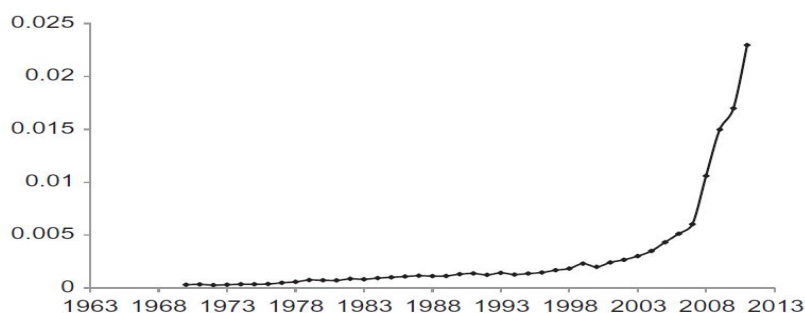
Light - Moody (2020b: 2) gọi là “Thời đại kết nối” (Connected Age) với những thay đổi về công nghệ và kinh tế đã thu hút sự chú ý đến tính kết nối của cuộc sống con người hiện đại trong thế kỷ XXI.

Bằng cách xem xét mô hình trích dẫn trong 12 tập (volumes) đầu tiên của tạp chí Mạng lưới Xã hội (Social Networks) từ năm 1978 đến năm 1989, (Hummon & Carley) (1993) đã cung cấp bằng chứng cho thấy sự hiện diện của nhiều nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực này, sự xuất hiện ngày càng nhiều của các tác giả nổi bật, thường xuyên được trích dẫn, sự hợp tác giữa các nhà khoa học và tính liên ngành ngày càng tăng gợi ý rằng, “mạng lưới xã hội” với tư cách là một chuyên ngành đang trong giai đoạn 'khoa học thông thường' (normal science) (theo cách gọi của Thomas Kuhn (xem thêm Kuhn 1996: 10)) chứ không phải là “một mô hình/hệ hình đang phát triển” (a developing paradigm) như đánh giá của Leinhardt (1977) vào những năm 1970.

Trong một đánh giá gần đây, Edelmann và cộng sự (2020) nhận định rằng, sự kết hợp của khoa học xã hội với khoa học máy tính và các lĩnh vực kỹ thuật đã

tạo ra một lĩnh vực nghiên cứu mới được gọi là “khoa học xã hội tính toán” (computational social science). Lĩnh vực này áp dụng các phương pháp tính toán cho các nguồn dữ liệu kỹ thuật

Hình 3. Tỷ lệ tất cả các bài báo được lập chỉ mục trong Google Scholar với “mạng lưới xã hội” (social network) trong tiêu đề chia theo năm



Nguồn: Borgatti và cộng sự, 2014: 2.

số mới để phát triển các lý thuyết về hành vi con người. Trong đó, các nhà xã hội học được xem là trung tâm nhằm giải quyết các câu hỏi liên quan đến hành vi con người cũng như phát triển các dòng điều tra mới về không gian kỹ thuật số. Theo đó, các lĩnh vực chính trong ngành khoa học mới này bao gồm: (1) phân tích mạng lưới xã hội và hình thành nhóm; (2) hành vi tập thể và xã hội học chính trị; (3) xã hội học về tri thức; (4) xã hội học văn hóa, tâm lý xã hội và cảm xúc; (5) sản xuất/tái tạo văn hóa; (6) xã hội học kinh tế và các tổ chức; và (7) nghiên cứu nhân khẩu học và dân số.

Trong bối cảnh chung đó, phần tiếp theo chúng tôi sẽ tìm hiểu tình hình áp dụng phân tích mạng lưới xã hội trong nghiên cứu mạng lưới xã hội ở Việt Nam.

3. VỀ NGHIÊN CỨU MẠNG LƯỚI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Nghiên cứu về mạng lưới xã hội không phải là mới trong khoa học xã hội ở Việt Nam nhưng theo Nông Bằng Nguyên (2009: 64), thời điểm 2009 về trước số lượng các bài viết về lĩnh vực này ngày càng ít đi, đặc biệt đối với ngành nhân học. Riêng khu vực nông thôn, Nguyễn Đức Chiện (2016: 8) cho rằng: “các nghiên cứu thực nghiệm vẫn đơn lẻ, tản mạn ở vài chủ đề, [...] hạn chế hay khoảng trống lớn nhất hiện nay là chưa có một nghiên cứu nào quan tâm đến quan hệ trao đổi trong hệ thống mạng lưới xã hội nông thôn một cách đầy đủ”. Tuy nhiên, nhận xét này chỉ phù hợp khi xem xét các công trình được công bố trên các tạp san trong nước thời gian trước khi tác giả đưa ra nhận định này,

và trong giới hạn những chuyên ngành cụ thể như xã hội học, nhân học. Thời điểm này số lượng các công bố khoa học của các tác giả (nhóm tác giả) là người nước ngoài hoặc nhóm tác giả bao gồm người nước ngoài và người Việt Nam sử dụng hướng tiếp cận này là không hề ít với nhiều chuyên ngành và chủ đề khác nhau. Trong đó có thể nhận thấy chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm nhất là mạng lưới xã hội của người di cư (bao gồm cả di cư trong nước và di cư quốc tế) như vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư (Đặng Nguyên Anh, 1998; Lương Văn Hy, 2004; Winkels, 2012), “người trung gian” trong mạng lưới di cư (Lê Đặng Bảo Châu, 2015), sự khác biệt về giới trong mạng lưới di cư (L.A. Hoang, 2011), các hình thức quà tặng và mạng lưới tiền gởi của người di cư (Lương Văn Hy, 2010; Thái Cẩm Hưng, 2019), vai trò của mạng lưới xã hội trong việc thay đổi công việc và cải thiện thu nhập của người di cư (Dang, 2019), quá trình hòa nhập xã hội và chiến lược ứng phó rủi ro của lao động di cư (Huỳnh Thị Ngọc Tuyết và cộng sự, 2010; Phạm Thanh Thôi, 2013; Nguyễn Đức Lộc, 2015a, 2015b; Phạm Văn Quyết - Trần Văn Kham, 2016; Lê Anh Vũ, 2019; H.T. Nguyen và cộng sự, 2022). Bên cạnh đó còn là các vấn đề của di cư lao động quốc tế (Nguyễn Quý Hạnh, 2016; N.N.A. Nguyen, 2017).

Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng thường xem mạng lưới xã hội như là một thành tố của vốn xã hội, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Theo An và Phuong (2021), vốn xã hội của người Việt Nam được đặc trưng bởi mức độ ràng buộc cao với xu hướng đặt niềm tin cao vào

một nhóm nhỏ những người thân thiết và thường xuyên tiếp xúc. Trong đó, theo đánh giá của Nguyễn Quý Thanh - Cao Thị Hải Bắc (2015b), mạng lưới quan hệ bạn thân của nhiều người Việt Nam được xây dựng dựa trên nguyên lý đồng dạng (tương đồng về giới tính, đồng môn, đồng hương và ngang cấp/tương đương về vị trí công việc). Ở khu vực nông thôn, gia đình, dòng họ và làng xã là các dạng liên kết đặc trưng (Ngô Đức Thịnh, 2008). Ở đó, các hình thức trao đổi và tương tác hàng ngày giữa các nhóm họ hàng, hàng xóm hay bạn bè là cách để người dân tham gia và/hoặc duy trì các liên hệ xã hội (Đặng Thị Việt Phương - Bé Quỳnh Nga, 2015). Dưới góc độ thiết chế, các hình thức liên kết và trao đổi xã hội ở nông thôn diễn ra thông qua các tổ chức xã hội tự nguyện (hội, câu lạc bộ và phường) (Dương Chí Thiện, 2011; Đặng Thị Việt Phương - Bùi Quang Dũng, 2011) và các tổ chức phi chính thức (Mai Văn Hai - Ngô Thị Thanh Quý, 2011; Nguyễn Thị Minh Phương, 2011). Dù dưới bất kỳ hình thức nào, vốn xã hội dựa trên các mạng lưới này có vai trò quan trọng trên nhiều khía cạnh, chẳng hạn được sử dụng như một chiến lược quản lý rủi ro quan trọng của các hộ gia đình để bị tổn thương (Fischer và cộng sự, 2010), tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của các hộ gia đình nông thôn (Q.D. Hoang và cộng sự, 2016), tiếp cận thông tin khuyến nông trong cộng đồng nông dân (L.A. Hoang và cộng sự, 2006) hay ảnh hưởng tích cực của vốn chính trị (được đo bằng việc là đảng viên hay mối quan hệ với cán bộ chính quyền) đối với việc tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập của

các hộ gia đình nông thôn (Markussen, 2017; Markussen & Zille, 2017).

Nghiên cứu về mạng lưới xã hội trong hoạt động nông nghiệp của người Kinh (Trần Hữu Quang, 2016, 2018; Trần Hữu Quang - Phan Thanh Lôi, 2015) hay người dân tộc ít người (Bùi Minh Hào, 2020) cũng như mối quan hệ cộng đồng, đồng tộc trong các dân tộc ít người (Võ Công Nguyễn, 2016, 2018) là những chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà dân tộc học/nhân học và xã hội học.

Bên cạnh đó, chủ đề nghiên cứu về mạng lưới xã hội còn được mở rộng sang các lĩnh vực đa dạng khác như tìm hiểu ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đến lựa chọn và phát triển nghề nghiệp của phụ nữ (Nguyễn Thị Thúy, 2009), thanh niên (Trần Thị Thảo, 2019) và sinh viên (Lê Ngọc Hùng, 2003, 2008; Phạm Huy Cường, 2014; Nguyễn Thị Thu Thanh, 2018); sự hỗ trợ và hiệu quả trong hoạt động khoa học công nghệ giữa các nhà nghiên cứu (Nguyễn Thị Hương Giang, 2019); vai trò của mạng lưới xã hội đối với việc chăm sóc sức khỏe, bao gồm cả người cao tuổi và các nhóm đặc thù như trẻ em nhiễm HIV (Lê Thị Mỹ - Đào Quang Bình, 2013; Nguyễn Thị Thanh Tùng, 2016; Trịnh Duy Luân, 2016; Nguyễn Đình Tấn - Phạm Gia Cường, 2017; Phạm Gia Cường, 2018; Đặng Kim Khánh Ly, 2018); hay kể cả nghiên cứu về mạng lưới trong quân đội (Đào Ngọc Tuấn, 2017). Ngoài ra, trong xu hướng chung hiện nay, nghiên cứu về mạng lưới xã hội trực tuyến của giới trẻ cũng nhận được quan tâm ngày càng nhiều hơn (Trịnh Hòa Bình - Lê Thế Linh, 2015).

Phản tổng quan trên chỉ mang tính sơ lược nên chắc chắn chưa thể phản ánh đầy đủ bức tranh chung về nghiên cứu mạng lưới xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, cơ bản có thể thấy rằng, các công bố liên quan tới chủ đề này bao gồm cả các vấn đề lý thuyết (Lê Minh Tiến, 2006, 2007; Pannier, 2008; Vương Xuân Tình, 2019) và các nghiên cứu thực nghiệm. Trong đó, các nghiên cứu thực nghiệm (cả định lượng và định tính) phần lớn dừng lại ở mức độ mô tả ở cấp độ cá nhân. Trong vài năm gần đây, đã có một số nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, số lượng các ấn phẩm xuất bản vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu là các nghiên cứu trường hợp (case study) tập trung trong lĩnh vực du lịch (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2017; Nguyễn Thị Bích Thủy và cộng sự, 2017; Nguyễn Phúc Nguyên và cộng sự, 2018), giáo dục (Nguyễn Bảo Ngọc và cộng sự, 2020), văn hóa (Nguyễn Văn Thắng, 2017) và cả xây dựng (Nguyễn Bảo Ngọc, 2021). Các nghiên cứu sử dụng phân tích mạng lưới xã hội để xem xét mạng lưới xã hội dưới góc độ cấu trúc vẫn còn rất hạn chế.

Có thể thấy, phân tích mạng lưới xã hội đã trở thành một phương pháp tiếp cận đa ngành có thể ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội (Otte & Rousseau, 2002). Tuy vậy, phân tích mạng lưới xã hội ở Việt Nam vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm của các học giả trong nước. Kể từ khi một số bài viết đầu tiên giới thiệu về phương pháp luận trong phân tích mạng lưới xã hội của Lê Minh Tiến (2006), Pannier (2008) và Nông Bằng Nguyên (2009) được xuất bản cho đến nay đã hơn một thập

kỷ, đã có một số nghiên cứu áp dụng cách phân tích này nhưng số lượng vẫn còn rất hạn chế, bao gồm xã hội học và nhân học.

4. KẾT LUẬN

Phân tích mạng lưới xã hội là một phương pháp dựa nhiều vào cơ sở lý thuyết của toán học. Do vậy, việc áp dụng cách phân tích này vào trong các nghiên cứu thực nghiệm đòi hỏi nhiều nỗ lực trong việc cập nhật các phương pháp tính toán và phần mềm hiện đại. Có lẽ đây là một trong những trở ngại đối với việc ứng dụng rộng rãi phân tích mạng lưới xã hội vào trong các nghiên cứu hiện nay ở Việt Nam. Tuy nhiên, lợi ích và tiềm năng phương pháp này đem lại rất lớn. Dựa trên khả năng trực quan hóa và mô hình hóa được hỗ trợ mạnh mẽ từ các tiến bộ trong kỹ thuật máy tính, phân tích mạng lưới xã hội giúp khám phá và phân tích các mối quan hệ mang tính cấu trúc trên nhiều cấp độ (tương ứng với các cấp độ phân tích bản ngã tới toàn bộ mạng lưới) cả trong những lĩnh vực nghiên cứu có lịch sử lâu đời như nghiên cứu cộng đồng; mạng lưới di cư; mối quan hệ (quyền lực, tình bạn, trao đổi,...) trong/giữa các tổ chức (doanh nghiệp, trường học, các tổ chức chính quyền,...); các phong trào xã hội và hành động tập thể; vốn xã hội và các hỗ trợ xã hội; mạng lưới xã hội và hành vi lệch chuẩn... cũng như những xu hướng nghiên cứu gần đây dựa trên nguồn dữ liệu trực tuyến, dữ liệu lớn tập trung vào các mối quan hệ và cấu trúc cộng đồng trên không gian mạng xã hội trực tuyến.

Trên đây chỉ là một số ít các chủ đề nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng

phân tích mạng lưới xã hội mà giới hạn bài viết này đề cập đến. Thực tế cho thấy, ‘phân tích mạng lưới xã hội’ (social network analysis - SNA) là

phương pháp được áp dụng trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu và đặc biệt hữu ích cho bất cứ nghiên cứu nào dựa trên cách tiếp cận cấu trúc và hệ thống. □

CHÚ THÍCH

(1) Các nghiên cứu ở cấp độ toàn mạng thường không phổ biến vì sự hạn chế nguồn lực cũng như các khó khăn về việc xác định ranh giới. Chẳng hạn đối với trường hợp này, dữ liệu về tình bạn thường được thu thập trong phạm vi mỗi trường và những người bạn học ở các trường khác bị bỏ qua.

(2) Nếu tính tới nguồn gốc các ý tưởng liên quan trước đó thì danh sách này còn kéo dài hơn, có thể tham khảo thêm phần tổng quan toàn diện về lịch sử phân tích mạng lưới xã hội và những nhân vật quan trọng trong quá trình phát triển của nghiên cứu mạng lưới xã hội trong Freeman (2004).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. An, N.H. and Phuong, L.D.M. 2021. “Social Capital in Vietnam: An Analysis of Social Networks and Social Trust”. *Journal of Mekong Societies*, 17(2), pp. 1-27.
2. Borgatti, S.P., Brass, D.J. & Halgin, D.S. 2014. “Social Network Research: Confusions, Criticisms and Controversies”. In: D.J. Brass, G. (JOE) Labianca, A. Mehra, D.S. Halgin, S.P. Borgatti (Chủ biên). *Research in the Sociology of Organizations* (Vol 40, pp. 1-29). Emerald Group Publishing Limited. [https://doi.org/10.1108/S0733-558X\(2014\)0000040001](https://doi.org/10.1108/S0733-558X(2014)0000040001).
3. Borgatti, S.P., Everett, M.G. & Johnson, J.C. 2018. *Analyzing Social Networks* (2nd Edition). SAGE.
4. Bùi Minh Hào. 2020. “Vốn văn hóa trong phát triển thị trường thảo quả của người Dao ở thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai”. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, 9(4), tr. 133-139.
5. Dang, D.A. 2019. “Social Networks and Employment Performance: Evidence from Rural-Urban Migration in Vietnam”. In: A.Y.C. Liu & X. Meng, *Rural-Urban Migration in Vietnam* (pp. 143-165). Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-319-94574-3_6.
6. Dương Chí Thiện. 2011. “Các tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 5, tr. 66-76.
7. Đào Ngọc Tuấn. 2017. *Mạng lưới xã hội của nhóm sĩ quan cấp úy Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay*. Luận án. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Đặng Kim Khánh Ly. 2018. “Quan hệ xã hội với hành vi tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân tại bệnh viện công hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, 1(141), tr. 50-63.
9. Đặng Nguyên Anh. 1998. “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”. *Tạp chí Xã hội học*, 2(62), tr. 16-24.
10. Đặng Thị Việt Phương, Bế Quỳnh Nga. 2015. “Trao đổi và tương tác xã hội trong đời sống nông thôn”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 10, tr. 65-74.
11. Đặng Thị Việt Phương, Bùi Quang Dũng. 2011. “Các tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn đồng bằng sông Hồng: Liên kết và trao đổi xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*, 4(116), tr. 31-45.

12. Edelman, A., Wolff, T., Montagne, D. & Bail, C.A. 2020. "Computational Social Science and Sociology". *Annual Review of Sociology*, 46(1), pp. 61-81. <https://doi.org/10.1146/annurev-soc-121919-054621>.
13. Fischer, I., Beuchelt, T., Dufhues, T. & Buchenrieder, G. 2010. "Risk Management Networks of Ethnic Minorities in Viet Nam". *Asia-Pacific Development Journal*, 17(2), pp. 93-118.
14. Freeman, L.C. 2004. *The Development of Social Network Analysis: A Study in the Sociology of Science*. Empirical Press, BookSurge.
15. Hoang, L.A. 2011. "Gendered Networks and Migration Decision-Making in Northern Vietnam". *Social & Cultural Geography*, 12(5), pp. 419-434. <https://doi.org/10.1080/14649365.2011.588800>.
16. Hoang, L.A., Castella, J.C. & Novosad, P. 2006. "Social Networks and Information Access: Implications for Agricultural Extension in a Rice Farming Community in Northern Vietnam". *Agriculture and Human Values*, 23(4), pp. 513-527. <https://doi.org/10.1007/s10460-006-9013-5>.
17. Hoang, Q.D., Dufhues, T.B. & Buchenrieder, G. 2016. "Individual Social Capital and Access to Rural Services in Northern Vietnam". *International Journal of Social Economics*, 43(4), pp. 363-381. <https://doi.org/10.1108/IJSE-12-2012-0234>.
18. Hummon, N.P. & Carley, K. 1993. "Social Networks as Normal Science". *Social Networks*, 15(1), pp. 71-106. [https://doi.org/10.1016/0378-8733\(93\)90022-D](https://doi.org/10.1016/0378-8733(93)90022-D).
19. Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Nguyễn Thị Minh Châu, Đào Quang Bình. 2010. "Mạng lưới xã hội của công nhân nhập cư ở khu công nghiệp Biên Hòa". Trong *Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ tuổi 35 (35 bài nghiên cứu từ Tạp chí Khoa học Xã hội)* (tr. 396-412). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Kolaczyk, E.D. & Csárdi, G. 2020. *Statistical Analysis of Network Data with R* (2nd Edition). Springer International Publishing AG.
21. Kuhn, T.S. 1996. *The Structure of Scientific Revolutions* (Third Edition). The University of Chicago Press.
22. Lê Anh Vũ. 2019. "Mạng lưới xã hội và giải pháp hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội đối với lao động Khmer nhập cư ở Bình Dương". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, 16(5), tr. 156-164.
23. Lê Đặng Bảo Châu. 2015. "Người trung gian" trong mạng lưới di cư lao động trẻ em. *Tạp chí Xã hội học*, 3(131), tr. 72-81.
24. Lê Minh Tiến. 2006. "Tổng quan phương pháp phân tích mạng lưới xã hội trong nghiên cứu xã hội". *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, 9(97), tr. 66-77.
25. Lê Minh Tiến. 2007. "Vốn xã hội và đo lường vốn xã hội". *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, 3(103), tr. 72-77.
26. Lê Ngọc Hùng. 2003. "Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: Trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên". *Tạp chí Xã hội học*, 2(82), tr. 67-75.
27. Lê Ngọc Hùng. 2008. "Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, 4(37), tr. 45-54.
28. Lê Thị Mỹ, Đào Quang Bình. 2013. "Mạng lưới xã hội và việc hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ nhiễm HIV ở Việt Nam". *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, 11(183), tr. 23-32.
29. Leinhardt, S. (chủ biên). 1977. *Social Networks: A Developing Paradigm*. Academic Press.

30. Light, R. & Moody, J. (chủ biên). 2020b. *The Oxford Handbook of Social Networks*. Oxford University Press.
31. Light, R. & Moody, J. 2020a. "Network Basics: Points, Lines, and Positions". In: R. Light & J. Moody. *The Oxford Handbook of Social Networks* (pp. 17-34). Oxford University Press.
32. Lương Văn Hy. 2004. "Di dân từ nông thôn ra thành thị ở Việt Nam: Câu chuyện của hai miền". Trong *Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập: truyền thống và hiện đại*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ hai, tr. 548-566.
33. Lương Văn Hy. 2010. "Quà và vốn xã hội ở hai cộng đồng nông thôn Việt Nam", tr. 397-424. Trong Lương Văn Hy, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết. *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận Nhân học*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
34. Mai Văn Hai, Ngô Thị Thanh Quý. 2011. "Mạng lưới tổ chức phi chính thức ở nông thôn trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay (Qua tư liệu làng xã Tam Sơn, Bắc Ninh)". *Tạp chí Xã hội học*, 4(116), tr. 46-53.
35. Markussen T., Zille H. 2017. "Vốn xã hội và kết nối chính trị", tr. 125-137. Trong UNU-WIDER. *Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Bằng chứng từ điều tra hộ gia đình nông thôn tại 12 tỉnh của Việt Nam*. United Nations University.
36. Markussen, T. 2017. "Social and Political Capital" (pp. 181-201). In: F. Tarp. *Growth, Structural Transformation, and Rural Change in Viet Nam: A Rising Dragon on the Move*. Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780198796961.001.0001>.
37. Marshall, G. 2010. *Từ điển Xã hội học Oxford* (Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa (dịch từ *Oxford Dictionary of Sociology* - Oxford University - 1998). Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. McCarty, C., Lubbers, M.J., Vacca, R. and Molina, J.L. 2019. *Conducting Personal Network Research: A Practical guide*. The Guilford Press.
39. Ngô Đức Thịnh. 2008. "Tiếp cận nông thôn Việt Nam từ mạng lưới xã hội và vốn xã hội cho phát triển". *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 6, tr. 65-72.
40. Nguyễn Bảo Ngọc, Trần Phương Nam, Lê Hoài Nam. 2020. "Áp dụng phân tích mạng lưới xã hội để nghiên cứu sự kết nối trong lớp học ở bậc đại học". *Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, 2(10), tr. 38-48.
41. Nguyễn Bảo Ngọc. 2021. "Trao đổi thông tin trong công tác tư vấn thiết kế xây dựng: Một nghiên cứu trường hợp dùng phân tích mạng lưới xã hội". *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tr. 1-11.
42. Nguyễn Đình Tấn, Phạm Gia Cường. 2017. "Thực trạng mạng lưới xã hội trong khám chữa bệnh của người trong độ tuổi lao động ở huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội". *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu chính sách và quản lý*, 33(1), tr. 30-38. <https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4045>.
43. Nguyễn Đức Chiện. 2016. "Bàn về tiếp cận nghiên cứu mạng lưới xã hội ở nông thôn Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, 4(212), tr. 1-10.
44. Nguyễn Đức Lộc. 2015a. "Di dân, rủi ro và mạng lưới xã hội của người công nhân nhập cư". Nguyễn Đức Lộc. *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại (tập 1) – Tình cảnh sống của người công nhân: Thân phận, rủi ro và chiến lược sống* (tr. 123-156). Hà Nội: Nxb. Tri Thức.
45. Nguyễn Đức Lộc. 2015b. "Vai trò của mạng lưới thân thuộc trong chiến lược ứng phó rủi ro của người công nhân đang làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương". *Tạp chí*

Phát triển Khoa học & Công nghệ, 18(5X), tr. 119-131.

46. Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Thị Bích Thủy, Võ Lê Xuân Sang. 2018. “Ứng dụng phân tích mạng lưới nghiên cứu liên kết của các bên liên quan du lịch ở điểm đến Đà Nẵng”. *Tạp chí Khoa học Kinh tế*, 6(1), tr. 90-99.

47. Nguyễn Quý Hạnh. 2016. “Di cư và phát triển: Lao động di cư Việt Nam ở Thái Lan”. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, 6(132), tr. 68-77.

48. Nguyễn Quý Thanh, Cao Thị Hải Bắc. 2015. “Nguyên lý đồng dạng: Cơ chế hình thành mạng lưới xã hội của người Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, 1(129), tr. 37-51.

49. Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Phúc Nguyên, Trần Thị Thanh Tùng. 2017. “Phân tích mạng: Ứng dụng nghiên cứu mạng lưới các điểm du lịch khách nội địa chủ động trải nghiệm tại Đà Nẵng”. *Tạp chí Khoa học Kinh tế*, 5(2), tr. 10-20.

50. Nguyễn Thị Bích Thủy. 2017. “Hợp tác giữa các bên liên quan trong mạng lưới du lịch để phát triển bền vững tại điểm đến Đà Nẵng”. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 126(5C), tr. 45-59. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v126i5C.4572>.

51. Nguyễn Thị Hương Giang. 2019. “Vốn xã hội trong hoạt động nghiên cứu khoa học ở Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 3, tr. 75-82.

52. Nguyễn Thị Minh Phương. 2011. “Vốn xã hội của nông thôn Việt Nam đương đại (Một nghiên cứu trường hợp xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định)”. *Tạp chí Xã hội học*, 4(116), tr. 67-79.

53. Nguyễn Thị Thanh Tùng. 2016. “Mạng lưới xã hội của người cao tuổi ở TPHCM (Nghiên cứu trường hợp quận Bình Thạnh và quận 12, TPHCM)”. *Tạp chí Khoa học Xã hội & Nhân văn*, 21, tr. 17-26.

54. Nguyễn Thị Thu Thanh. 2018. “Mạng lưới xã hội với việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Xã hội học”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, 34(1), tr. 12-21.

55. Nguyễn Thị Thúy. 2009. “Tác động của mạng lưới xã hội đến sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, 1, tr. 14-24.

56. Nguyễn Văn Thắng. 2017. “Dịch vụ trong tín ngưỡng thờ Mẫu từ góc nhìn lý thuyết mạng lưới xã hội (Nghiên cứu trường hợp đồng thầy Nguyễn Tất Kim Hùng)”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, 22, tr. 11-19.

57. Nguyen, H.T., Le, M.K., Nguyen, T.T.D., Dao, V.P.L., & Nguyen, N.T. 2022. “Social Capital and Migration: A Case Study of Rural Vietnam”. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 9(1), pp. 63-71. <https://doi.org/10.13106/jafeb.2022.vol9.no1.0063>.

58. Nguyen, N.N.A. 2017. *Social Networks along the Migration Cycle between Vietnam and Korea: Opportunities or Obstacles for Temporary Labour Migrants?* [PhD Doctorate, Faculty of Arts and Social Sciences - The University of Sydney]. <https://ses.library.usyd.edu.au/handle/2123/18616>.

59. Nông Bằng Nguyên. 2009. “Nghiên cứu mạng lưới xã hội: Những đóng góp của nhân học và xã hội học”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, 2(41), tr. 58-65.

60. Otte, E., Rousseau, R. 2002. “Social network Analysis: A Powerful Strategy, Also for the Information Sciences. *Journal of Information Science*, 28(6), pp. 441-453. <https://doi.org/10.1177/016555150202800601>.

61. Pannier E. 2008. “Phân tích mạng lưới xã hội: Các lý thuyết, khái niệm và phương pháp nghiên cứu”. *Tạp chí Xã hội học*, 4(104), tr. 100-115.

62. Phạm Gia Cường. 2018. *Mạng lưới xã hội trong khám chữa bệnh của người trong độ tuổi lao động ở nông thôn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội*. Luận án. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
63. Phạm Huy Cường. 2014. “Mạng lưới quan hệ xã hội với việc làm của sinh viên tốt nghiệp”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 30(4), tr. 44-53.
64. Phạm Thanh Thôi. 2013. “Đời sống xã hội của thanh niên nhập cư lao động phổ thông tại các cơ sở sản xuất nhỏ ở TPHCM”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TPHCM*, 8(1), tr. 102-114.
65. Phạm Văn Quyết, Trần Văn Kham. 2016. “Hòa nhập xã hội của lao động nhập cư nghèo tại các đô thị Việt Nam: Phân tích từ góc độ mạng lưới xã hội”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 4(5), tr. 28-33.6.
66. Robins, G. 2015. *Doing Social Network Research: Network-Based Research Design for Social Scientists*. SAGE.
67. Scott, J. 2017. *Social Network Analysis* (4th edition). SAGE Publications.
68. Scott, J. & Carrington, P.J. 2011. *The SAGE Handbook of Social Network Analysis*. SAGE.
69. Thái Cẩm Hưng. 2019. *Thiếu tiền (Insufficient Funds)* (Biên dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Lại Tú Quỳnh, Lương Ngọc Phương Anh. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
70. Trần Hữu Quang, Phan Thanh Lôi. 2015. “Ứng xử kinh tế của nông hộ trong bối cảnh làng Việt ở Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, 1(197), tr. 36-55.
71. Trần Hữu Quang. 2016. *Nhận diện những mô thức ứng xử kinh tế của nông hộ châu thổ sông Cửu Long ngày nay* (Báo cáo tổng hợp MS: I3.1-2012.13; Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) tài trợ). Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
72. Trần Hữu Quang. 2018. *Ứng xử kinh tế của nông hộ (khảo sát Xã hội học tại châu thổ sông Cửu Long)*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
73. Trần Hữu Quang. 2019. *Xã hội học nhập môn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
74. Trần Thị Thảo. 2019. “Xu hướng và yếu tố tác động đến chọn lựa nghề của thanh niên ngoại thành TPHCM”. *Tạp chí Khoa học - Đại học Thủ Dầu Một*, 4(43), tr. 3-14.
75. Trịnh Duy Luân. 2016. “Chính sách chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 1, tr. 26-31.
76. Trịnh Hòa Bình, Lê Thế Linh. 2015. “Mạng xã hội trực tuyến của giới trẻ đô thị hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, 1(129), tr. 52-59.
77. Võ Công Nguyên. 2016. *Quan hệ đồng tộc xuyên biên giới của một số tộc người thiểu số ở tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh*. Báo cáo đề tài cấp Bộ. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
78. Võ Công Nguyên. 2018. *Nghiên cứu tổng thể vấn đề dân tộc đối với việc phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* (tr. 410). Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ (MS: KHCN-TNB/14-19). Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
79. Vương Xuân Tình. 2019. “Nghiên cứu về mạng lưới xã hội trên thế giới”. *Tạp chí Dân tộc học*, 2, tr. 3-11.
80. Wasserman, S., Faust, K. 1994. *Social Network Analysis: Methods and Applications*. Cambridge University Press.
81. Winkels, A. 2012. “Migration, Social Networks and Risk: The Case of Rural-to-Rural Migration in Vietnam”. *Journal of Vietnamese Studies*, 7(4), pp. 92-121. <https://doi.org/10.1525/vs.2012.7.4.92>.